

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày 13 tháng 12 năm 2010

NGHỊ QUYẾT
Về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 25

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Trên cơ sở xem xét các báo cáo của UBND tỉnh, báo cáo của các ngành chức năng tỉnh, báo cáo thẩm tra của các Ban HĐND tỉnh, ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch 5 năm 2006 - 2010 và định hướng mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu kế hoạch 5 năm 2011-2015 của UBND tỉnh; HĐND tỉnh khoá X, kỳ họp thứ 25 xác định:

I. Mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2011 - 2015

1. Mục tiêu tổng quát

Huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế; chăm lo phát triển sự nghiệp văn hóa, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân; thực hiện tốt các chính sách xã hội, nâng cao đời sống nhân dân; bảo vệ tài nguyên, môi trường; tăng cường quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị - xã hội; tạo nền tảng để đến năm 2020 Quảng Ngãi cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân đạt 14 - 15%/năm.
- GDP bình quân đầu người đến năm 2015 đạt 2.100 - 2.200 USD.
- Cơ cấu kinh tế trong GDP đến năm 2015:

+ Công nghiệp - xây dựng	: 61 - 62%.
+ Dịch vụ	: 25 - 26%.
+ Nông - lâm - ngư nghiệp	: 12 - 13%.
- Kim ngạch xuất khẩu năm 2015 đạt trên 500 triệu USD.
- Phấn đấu thực hiện vượt mức chỉ tiêu thu ngân sách Trung ương giao hằng năm.
 - Huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2011 - 2015 đạt khoảng 160 nghìn tỷ đồng.
 - Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đạt 20% vào năm 2015.
 - Tỷ trọng lao động nông nghiệp năm 2015 giảm còn 47% trong tổng số lao động xã hội.

- Phần đầu đến năm 2015 có từ 20 - 22% số xã và 01 huyện đạt các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.
- Đến năm 2015 hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, tăng thêm 15% số trường đạt chuẩn quốc gia các cấp học so với năm 2010.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đến năm 2015 đạt 45%.
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 0,92%/năm, đến năm 2015 đạt 0,79%. Đến năm 2015, hạ tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn 15%; có 70% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế.
- Đến năm 2015 có 85% gia đình, 75% thôn, tổ dân phố, 95% cơ quan, trường học và 30% số xã, phường, thị trấn đạt chuẩn về văn hóa.
- Tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm 3-4%/năm (*vùng đồng bằng giảm từ 2-3%/năm; vùng miền núi giảm 4 - 5%/năm*).
- Tỷ lệ độ che phủ rừng năm 2015 đạt 50%.
- Đến năm 2015, có 90% hộ dân cư sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy chuẩn quốc gia; 100% khu công nghiệp, khu kinh tế, đô thị có hệ thống xử lý rác thải, nước thải tập trung; thu gom và xử lý chất thải công nghiệp nguy hại đạt 90%, chất thải y tế đạt 100%.
- Xây dựng 90% xã, phường, thị trấn đạt danh hiệu vững mạnh về quốc phòng - an ninh, trong đó vững mạnh toàn diện đạt 50% vào năm 2015.

II. Các nhiệm vụ chủ yếu

1. Khai thác, phát huy mọi nguồn lực và lợi thế so sánh để đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển kinh tế nhanh và bền vững.

a) *Phát triển công nghiệp tiếp tục được xác định là nhiệm vụ đột phá.* Phần đầu giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân 17 - 18 %/năm. Tập trung phát triển công nghiệp ở Khu kinh tế Dung Quất, các khu công nghiệp và cụm công nghiệp - làng nghề. Phát huy tiềm năng về đất đai, tài nguyên, lao động, đặc biệt là lợi thế cảng biển nước sâu để phát triển các ngành công nghiệp nặng có ý nghĩa chiến lược, có giá trị gia tăng cao; đồng thời phát triển công nghiệp nhẹ với các ngành sử dụng nhiều lao động và nguyên liệu tại chỗ. Ưu tiên các ngành công nghiệp có công nghệ hiện đại, ít ô nhiễm, tiêu tốn ít năng lượng; các ngành phục vụ nông nghiệp, nông thôn, tạo sản phẩm xuất khẩu.

b) *Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với giải quyết tốt vấn đề nông dân và xây dựng nông thôn mới, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian đến.* Phần đầu giá trị sản xuất nông nghiệp tăng bình quân 4 - 4,5%/năm; đến năm 2015, sản lượng lương thực đạt 470.000 tấn, giá trị sản xuất bình quân trên 01ha đất canh tác nông nghiệp đạt từ 40 đến 45 triệu đồng. Hình thành vành đai nông nghiệp, khu nông nghiệp công nghệ cao phục vụ các đô thị, Khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp. Thực hiện “đòn điền, đổi thửa”; ổn định diện tích cây lương thực, nhất là diện tích lúa; xây dựng các vùng nguyên liệu tập trung, chuyên canh phục vụ công nghiệp chế biến và xuất khẩu. Phát triển kinh tế trang trại, kinh tế vườn; phát triển chăn nuôi theo phương thức công nghiệp, bán công nghiệp, đưa tỷ trọng chăn nuôi đạt 35% tổng giá trị sản xuất nông nghiệp vào năm 2015. Tổ chức quản lý, bảo vệ và phát triển rừng theo quy hoạch. Phát triển toàn diện

ngành thủy sản, chú trọng nuôi trồng thủy sản trên các loại hình mặt nước (ngọt, lợ, mặn) theo hướng đa dạng hóa sản phẩm và thâm canh công nghiệp. Khuyến khích cải hoán và đóng mới tàu thuyền có công suất lớn. Hình thành các tổ chức đánh bắt và nuôi trồng hải sản xa bờ kết hợp với bảo vệ chủ quyền, an ninh biển, đảo và bảo vệ quyền lợi của ngư dân. Phát triển dịch vụ, hậu cần nghề cá, hiện đại hoá cơ sở chế biến. Xây dựng nông thôn mới bảo đảm các tiêu chí theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Phát triển mạnh dịch vụ, nhất là dịch vụ có giá trị gia tăng cao. Phân đấu giá trị dịch vụ tăng bình quân 15 - 16%/năm. Chú trọng phát triển mạnh các loại hình dịch vụ có giá trị gia tăng cao như: tài chính, ngân hàng, thông tin và truyền thông, khoa học - công nghệ... Khuyến khích phát triển các siêu thị, nhà hàng, khách sạn, trung tâm thương mại ở thành phố Quảng Ngãi, Khu kinh tế Dung Quất và những nơi có điều kiện. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các chợ ở nông thôn và miền núi. Đầu tư xây dựng đồng bộ các khu, điểm du lịch, các cơ sở tham quan, phân đấu có từ 01 đến 02 khu du lịch đạt tiêu chuẩn Quốc gia. Gắn hoạt động du lịch với các hoạt động văn hóa, thể thao, giải trí, nghỉ dưỡng.

d) Đẩy mạnh hoạt động kinh tế đối ngoại; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm thu, chi ngân sách. Mở rộng hoạt động kinh tế đối ngoại, phối hợp với các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đẩy mạnh xúc tiến đầu tư thu hút tối đa nguồn lực bên ngoài cùng với phát huy ưu thế nguồn lực tại chỗ về vốn, đất đai, lao động để phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu; phát triển các loại hình hợp tác trong lĩnh vực sản xuất, gia công, nghiên cứu khoa học, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật; chú trọng các loại hình dịch vụ thu ngoại tệ. Xây dựng, phát triển thị trường tài chính, mở rộng các loại hình tín dụng đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn của các thành phần kinh tế. Bảo đảm tăng thu bình quân hàng năm cao hơn chỉ tiêu thu ngân sách cấp trên giao; chi tiết kiệm, hiệu quả. Tăng chi cho đầu tư phát triển và bảo đảm an sinh xã hội. Thực hiện tốt công tác quản lý, điều hành thu, chi ngân sách.

đ) Tập trung xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, tạo lập môi trường thuận lợi cho đầu tư phát triển. Tăng cường đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng có hiệu quả các công trình kết cấu hạ tầng. Ưu tiên đầu tư hoàn thiện mạng lưới giao thông, xây dựng cảng biển Vạn Tường, xây dựng hệ thống đê kè ven sông, ven biển. Phát triển các công trình thủy điện và hệ thống truyền tải điện, hiện đại hoá hạ tầng viễn thông và công nghệ thông tin; kiên cố hoá kênh mương thủy lợi; giải quyết tốt việc cấp thoát nước ở đô thị, khu kinh tế và các khu công nghiệp. Phân đấu trong nhiệm kỳ hoàn thành các công trình trọng điểm: đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, đường Dung Quất - Trà Bồng - Trà My, đường tỉnh lộ 623, trường Đại học Phạm Văn Đồng, Đập dâng hạ lưu sông Trà Khúc, trường Cao đẳng Kỹ nghệ, các Khu tái định cư phục vụ mở rộng nhà máy lọc dầu Dung Quất và các dự án hóa dầu, một số công trình hạ tầng thiết yếu của thành phố Quảng Ngãi. Thực hiện tốt công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư bền vững, đảm bảo đời sống của người dân sau khi tái định cư. Phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai dự án mở rộng Nhà máy lọc dầu, sản xuất thép, nâng cấp trường Cao đẳng Tài chính - Kế toán thành trường Đại học.

e) Phát triển các thành phần kinh tế, các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh.

Tạo lập môi trường thuận lợi để các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân thuộc các thành phần kinh tế phát triển. Phấn đấu đến năm 2015, số lượng doanh nghiệp toàn tỉnh tăng 2 lần so với hiện nay. Nâng cao chất lượng các doanh nghiệp nhà nước sau khi sắp xếp. Đổi mới, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; đa dạng hoá loại hình kinh tế hợp tác. Phát triển mạnh các hợp tác xã sản xuất kinh doanh đa ngành, đa lĩnh vực. Phấn đấu đến năm 2015, có 55% hợp tác xã đạt loại khá trở lên và hạ tỷ lệ hợp tác xã yếu kém xuống dưới 10%. Đẩy mạnh phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; chú trọng phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại.

g) Phát triển hài hòa, bền vững giữa các vùng, tạo sự liên kết, hỗ trợ trong quá trình phát triển.

- *Xây dựng, phát triển đô thị là nhiệm vụ đột phá mang tính chiến lược, tạo động lực cho sự phát triển nhanh và bền vững.* Đầu tư chỉnh trang, nâng cấp và mở rộng Thành phố Quảng Ngãi theo quy hoạch, phấn đấu đến năm 2015 đạt tiêu chuẩn đô thị loại II. Quy hoạch mở rộng Khu kinh tế Dung Quất lên 45.332 ha theo phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ và đầu tư xây dựng để hình thành thành phố công nghiệp mở trực thuộc tỉnh; trước mắt, tập trung xây dựng, phát triển đô thị Vạn Tường và một số đô thị vệ tinh khác có thương mại và dịch vụ phát triển. Đầu tư xây dựng, phát triển thị trấn Đức Phổ theo quy hoạch để trở thành thị xã vào năm 2015. Từng bước xây dựng thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà trở thành trung tâm kinh tế, văn hoá vùng phía tây của tỉnh. Quy hoạch, đầu tư mở rộng các thị trấn hiện có và xây dựng mới một số thị trấn ở các huyện; phấn đấu đến năm 2015, tất cả các huyện đều có thị trấn.

- *Phát triển vùng đồng bằng trên cơ sở phát triển ngành trồng trọt theo hướng chuyên canh, thâm canh tăng năng suất; phát triển chăn nuôi tập trung quy mô lớn; nâng cao chất lượng, sản lượng sản phẩm cây trồng, vật nuôi; hình thành vành đai cung cấp lương thực, thực phẩm chất lượng cao và an toàn phục vụ cho các đô thị; phát triển công nghiệp chế biến sử dụng nguyên liệu sẵn có trong vùng.*

- *Phát triển vùng ven biển và hải đảo trên cơ sở phát huy thế mạnh tiềm năng về thủy sản và phong cảnh biển, đảo.* Thực hiện có hiệu quả Chiến lược biển Việt Nam. Tăng năng lực khai thác, đánh bắt, nuôi trồng, chế biến thủy, hải sản gắn với xây dựng cảng cá, trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá, các vùng neo đậu tàu thuyền; đồng thời xây dựng, phát triển các khu, điểm du lịch ven biển, đảo để hình thành hành lang kinh tế ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh có đủ các cơ sở hạ tầng nghề biển và phát triển các loại hình du lịch, dịch vụ. Xây dựng Lý Sơn trở thành huyện đảo có kinh tế phát triển mạnh, gắn với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam.

- *Phát triển vùng miền núi trên cơ sở phát huy thế mạnh về lâm nghiệp, kết hợp kinh tế vườn rừng gắn với chăn nuôi; khuyến khích phát triển các loại hình dịch vụ.* Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 30a của Chính phủ gắn với quy hoạch xây dựng nông thôn mới và các chương trình, mục tiêu khác nhằm đạt mục tiêu giảm nghèo nhanh và bền vững. Phát triển lâm nghiệp, kết hợp kinh tế vườn rừng gắn với chăn nuôi; thực hiện tốt việc giao đất, giao rừng cho các tổ chức, cá nhân để trồng rừng và bảo vệ rừng, chú trọng rừng đầu nguồn. Khai thác hợp lý, có hiệu quả tiềm năng thủy điện, khoáng sản; phát triển các loại hình dịch vụ phù hợp.

h) Quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên; tăng cường quản lý, bảo vệ và cải thiện môi trường. Quy hoạch và quản lý thực hiện đúng quy hoạch, kế hoạch về thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng các nguồn tài nguyên trên địa bàn. Cơ bản hoàn thành việc xây dựng, cải tạo và nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước ở các đô thị và khu công nghiệp. Tập trung đúng mức cho công tác bảo vệ, cải thiện môi trường. Thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về ứng phó biến đổi khí hậu và mực nước biển dâng; chủ động phòng, ứng phó sự cố tràn dầu ở Khu kinh tế Dung Quất.

2. Phát triển mạnh giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, thông tin và truyền thông; chăm lo sự nghiệp y tế; phát triển văn hóa, thể dục, thể thao; thực hiện có hiệu quả các chính sách xã hội, bảo đảm an sinh xã hội.

a) Nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, phát triển nguồn nhân lực là nhiệm vụ đột phá đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học, bậc học. Tăng cường đầu tư, tập trung phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong tình hình mới. Phát triển ngành, nghề đào tạo phù hợp nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và của khu vực, gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo với sử dụng lao động.

b) Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học, công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và công tác quản lý, trong đó chú trọng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng nông thôn, miền núi. Phần đầu có 55% doanh nghiệp sản xuất công nghiệp áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến.

c) Tăng cường xây dựng hạ tầng thông tin và truyền thông, tạo môi trường để từng bước hình thành, phát triển kinh tế tri thức. Hoàn thiện kết cấu hạ tầng bưu chính viễn thông, phát triển công nghệ thông tin theo hướng hiện đại. Phần đầu đến năm 2015, có 100% huyện, thành phố ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ lãnh đạo, quản lý; 60% xã, phường, thị trấn được khai thác thông tin khoa học, công nghệ qua mạng internet; có 85% hộ gia đình tiếp cận được thông tin qua các phương tiện thông tin và truyền thông.

d) Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân; đẩy mạnh công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em. Nâng cao năng lực quản lý, trình độ chuyên môn, tinh thần thái độ phục vụ của đội ngũ cán bộ y tế; kết hợp tốt giữa y học cổ truyền với y học hiện đại trong khám, chữa bệnh. Từng bước xây dựng hoàn chỉnh mạng lưới y tế trên tất cả các tuyến, chú trọng tuyến xã nhằm đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh tại cơ sở. Phần đầu đến năm 2015 đạt 5,5 bác sĩ/vạn dân; 18,7 giường bệnh/vạn dân. Tăng năng lực và hiệu quả dự báo, phát hiện, phòng, chống dịch bệnh. Nâng cao chất lượng dân số; thực hiện bình đẳng giới vì sự tiến bộ của phụ nữ; phòng, chống bạo lực gia đình; bảo đảm quyền trẻ em.

đ) Chăm lo phát triển văn hoá, thể dục thể thao nhằm nâng cao đời sống tinh thần và thể chất cho người dân. Tập trung xây dựng đời sống văn hoá, đưa phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” đi vào chiều sâu; đẩy lùi các tệ nạn xã hội. Tiếp tục phát triển văn học, nghệ thuật, thể dục, thể thao. Phần đầu đến

năm 2015 có 30% dân số và 20% gia đình tập luyện thể thao thường xuyên. Triển khai thực hiện cuộc vận động xây dựng gia đình Việt Nam, xây dựng con người Quảng Ngãi phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ.

e) Thực hiện có hiệu quả các chính sách xã hội, bảo đảm an sinh xã hội trong quá trình phát triển kinh tế. Thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về giải quyết việc làm và giảm nghèo; về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo trợ xã hội; quan tâm chăm sóc, giúp đỡ các đối tượng chính sách xã hội. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách của Nhà nước đi đôi với đẩy mạnh phong trào “đền ơn, đáp nghĩa”, chăm lo tốt hơn đời sống của người có công với cách mạng.

3. Xây dựng chính quyền các cấp trong sạch, vững mạnh. Thực hiện thắng lợi cuộc bầu cử đại biểu HĐND các cấp và bầu cử đại biểu Quốc hội nhiệm kỳ 2011 - 2016 tại tỉnh; kiện toàn tổ chức bộ máy chính quyền các cấp và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, vững mạnh, bảo đảm năng lực tổ chức, tham mưu triển khai thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 49/NQ-TW của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Thực hiện đồng bộ các nội dung cải cách hành chính. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các giải pháp phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Nâng cao chất lượng hoạt động của HĐND các cấp.

4. Tăng cường quốc phòng an ninh, giữ vững ổn định chính trị - xã hội; nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan nội chính. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng - an ninh. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh. Kiểm chế sự gia tăng và từng bước đẩy lùi các loại tội phạm, có biện pháp để giảm tai nạn giao thông một cách có hiệu quả. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác thanh tra và giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo của công dân theo đúng quy định của pháp luật.

III. Các giải pháp chủ yếu

1. Tập trung sự lãnh đạo, chỉ đạo và ưu tiên nguồn lực để thực hiện tốt ba nhiệm vụ đột phá: phát triển công nghiệp, phát triển nguồn nhân lực, phát triển đô thị và các nhiệm vụ trọng tâm, các công trình trọng điểm của tỉnh.

2. Nâng cao chất lượng xây dựng quy hoạch và thường xuyên tăng cường năng lực quản lý nhà nước về quy hoạch. Căn cứ Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XVIII, UBND tỉnh chỉ đạo việc lập, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch; tổ chức công bố quy hoạch được duyệt theo thẩm quyền.

3. Tiếp tục thực hiện và thường xuyên rà soát để kịp thời sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các cơ chế, chính sách đã ban hành phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và điều kiện của tỉnh trong từng thời kỳ. Nghiên cứu ban hành các cơ chế, chính sách mới nhằm tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

4. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển; thu hút và ưu đãi nhân tài, người có trình độ cao, đặc biệt là các chuyên gia đầu ngành. Quản lý, sử dụng có hiệu quả ngân sách địa phương; đồng thời tranh thủ nguồn vốn từ Trung ương, thu hút các nguồn vốn trong và ngoài nước. Phát triển đồng bộ các loại thị trường, nhất là thị trường tài chính, tín dụng, bất động sản. Quản lý chặt chẽ và thực hiện lồng ghép các nguồn vốn một cách hợp lý; khắc phục tình trạng đầu tư phân tán, dàn trải.

5. Chủ động phòng tránh thiên tai, tăng cường bảo vệ môi trường. Thực hiện có hiệu quả phương án phòng, chống lụt bão và phòng, chống cháy rừng. Xây dựng các công trình phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai. Đánh giá tác động môi trường đối với các dự án quy hoạch và dự án đầu tư. Kiên quyết không cấp phép cho các dự án đầu tư mới không đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường. Giám sát và xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm quy trình xử lý khí thải, rác thải, nước thải để bảo đảm môi trường sinh thái bền vững.

6. Giữ vững ổn định chính trị - xã hội. Giữ vững sự đoàn kết thống nhất và sức mạnh của cả hệ thống chính trị. Thực hiện chính sách quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân; củng cố, tăng cường lực lượng dân quân tự vệ ở các xã, phường, lực lượng bảo vệ ở các cơ quan, xí nghiệp, nhà máy đủ mạnh, ứng phó kịp thời mọi tình huống xảy ra, bảo đảm an toàn các mục tiêu trọng điểm. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm, đặc biệt là tội phạm có tổ chức. Kịp thời giải quyết những mâu thuẫn, bất đồng trong nội bộ nhân dân; xử lý có hiệu quả những vấn đề phức tạp phát sinh, không để xảy ra điểm nóng.

Điều 2.

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này. Căn cứ Nghị quyết này, từ năm 2011 đến năm 2015, UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội hằng năm, trình HĐND tỉnh xem xét quyết định để triển khai thực hiện.

2. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh và đại biểu HĐND tỉnh kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Hội đồng nhân dân tỉnh kêu gọi các cấp, các ngành, quân và dân trong tỉnh nêu cao tinh thần thi đua yêu nước, đoàn kết, nỗ lực phấn đấu, tận dụng thời cơ thuận lợi, vượt qua khó khăn, thách thức, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày thông qua.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khóa X, kỳ họp lần thứ 25 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2010./.

CHỦ TỊCH

Phạm Minh Toán